**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** |  Văn bản nghị luận | 3 | 0 | 4 | 0 | 1 | 2 | 0 |  | 60 |
| **2** | **Viết** | - Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***20*** | ***15*** | ***5*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **35%** | **35%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **55%** | **45%** |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

 **THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ** **nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** |  | **Nhận biết:**- Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận.- Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.**Thông hiểu:**- Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.- Chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.- Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.**Vận dụng:**- Rút ra được những bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ nội dung văn bản.- Thể hiện được sự đồng tình, không đồng tình, đồng tình một phần với những vấn đề được đặt ra trong văn bản.  | 3 TN | 4 TN | 1TN2TL |  |
| **2** | **Viết** |  | **Nhận biết:** **Thông hiểu:****Vận dụng:** **Vận dụng cao:**Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** |  | **3 TN** | **4TN** | **1TN****2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***15*** | ***20*** | ***25*** | ***40*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **35** | **65** |

|  |
| --- |
| **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**Năm học: 2023 – 2024MÔN: NGỮ VĂN – Lớp 6*Thời gian làm bài: 90 phút ( không kể phát đề).* |

**Phần I. Đọc hiểu** *(6,0 điểm)*

**Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Lòng tự trọng được xem là giá trị cốt lõi trong văn hóa của người Nhật [...]. Có thể bạn chưa biết, tại Nhật, một người cảnh sát khi bắt gặp một người lái xe vi phạm luật giao thông, anh ấy sẽ không bắt người tài xế xuống xe mà sẽ bước đến bên buồng lái hỏi chuyện với người tài xế chỉ vì muốn giữ lòng tự trọng cho người lái xe. Tại một cửa hàng của Nhật Bản, người chủ tiệm đã quyết định lắp đặt camera để quản lý trông coi hàng hóa phòng trường hợp bị mất cắp. Ngay một thời gian sau, không có bất kỳ vị khách nào ghé đến cửa hàng mua đồ nữa, họ tẩy chay chủ tiệm.*

*Và một điều kì lạ trong hàng tá những kì lạ về xứ sở này đó chính là chỉ trong vài ba năm, nước Nhật có tới từ 4-5 Thủ tướng, không phải người đứng đầu của đất nước bị cách chức mà họ xin từ chức. Từ chức vì lòng tự trọng. Trong bất kể một lĩnh vực nào, dù chỉ là một sai phạm nhỏ, dù đó là do cấp dưới gây ra, người đứng đầu luôn nhìn nhận rằng nguyên nhân dẫn đến hậu quả này xuất phát từ chính họ, là lỗi của mình. Có câu chuyện kể về một vị giáo sư khi bị người khác đâm xe làm ngã, ông đứng dậy và nói với người làm ông ngã rằng: “Xin lỗi, vì tôi mà ông gây ra chuyện này!”*

*Người Nhật rất kiêng kị xúc phạm người khác. Trong giao tiếp, họ luôn cố gắng tìm cách nói giảm, nói tránh bằng những hành động ít mang tính đe dọa, không làm tổn thương người khác trước đám đông vì người Nhật muốn giữ lòng tôn nghiêm cho người khác.*

 (Khang Lạc, Lòng tự trọng của người Nhật, http://www.thoidihoc.net, truy cập ngày1 /09/2021)

**\* Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước đáp án đúng nhất cho các câu từ 1 đến câu 8** *(mỗi đáp án đúng được 0,5 điểm):*

**Câu 1.** Từ “camera” là từ mượn của ngôn ngữ nào?

 A. Tiếng Pháp. B. Tiếng Nga.

 C. Tiếng Anh. D. Tiếng Hán.

**Câu 2.** Phẩm chất nào của người Nhật được nói đến trong văn bản

 A. Khiêm tốn. B. Tự trọng.

 C. Đoàn kết. D. Yêu nước.

**Câu 3.** Văn bản trên có thể xếp vào thể loại nào?

 A. Văn bản thông tin. B. Văn bản nghị luận.

 C. Tiểu thuyết. D. Truyện ngắn.

**Câu 4.** Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

1. Tự sự. B. Miêu tả.

C. Thuyết minh. D. Nghị luận.

**Câu 5.** Đoạn trích trên có mấy đoạn văn?

 A. Ba đoạn văn. B. Bốn đoạn văn.

 C. Năm đoạn văn. D. Sáu đoạn văn.

**Câu 6.** Các từ sau thuộc loại từ nào : “*tự trọng, cốt lõi, giá trị, vi phạm, giao thông, bất kỳ, giáo sư, xúc phạm, tôn nghiêm”*?

 A. Từ thuần Việt. B. Từ mượn tiếng Anh.

 C. Từ mượn tiếng Pháp. D. Từ mượn tiếng Hán.

**Câu 7.** Câu nào dưới đây nêu lên chủ đề của đoạn trích.

 A. Người Nhật rất kiêng kị đến việc xúc phạm người khác.

 B. Lòng tự trọng được xem là giá trị cốt lõi trong văn hóa của người Nhật.

 C. Người Nhật muốn giữ lòng tôn nghiêm cho người khác.

 D. Xin lỗi, vì tôi mà ông gây ra chuyện này!

**Câu 8**. Dấu ngoặc kép trong câu: “Xin lỗi, vì tôi mà ông gây ra chuyện này!”

 A. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo hàm ý khác.

 B. Ngăn cách đoạn văn này với đoạn văn khác.

 C. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

 D. Bắt đầu và kết thúc đoạn văn.

**\*Thực hiện yêu cầu của bài tập:**

**Câu 9.** (1,0 điểm) Đoạn trích đã đưa ra những bằng chứng nào để cho thấy rõ phẩm chất của người Nhật?

**Câu 10.** (1,0 điểm) Qua đoạn trích, em rút ra bài học gì cho bản thân?

**Phần II. Viết** *(4,0 điểm)*

 Viết bài văn, trình bày ý kiến của em về một vấn đề (học tập, môi trường, tệ nạn, đồng phục trong trường học) trong đời sống mà em quan tâm.

----------------HẾT----------------

***(Học sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.)***

**- HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

**------------**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | C | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** |  D | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
| **9** | - Bằng chứng:+ Cảnh sát bước đến bên buồng lái hỏi chuyện người tài xế.+ Các vị khách tẩy chay chủ tiệm vì lắp camera.+ Người đứng đầu đất nước xin từ chức.+ Người đứng đầu lĩnh vực luôn nhận lỗi.+ Vị giáo sư bị đâm xe tự mình xin lỗi.+ giao tiếp không làm tổn thương người khác trước đám đông. | 1,0 |
| **10** | + Biết tôn trọng mình và tôn trọng người khác.+ Biết nhận lỗi trước việc làm sai trái của mình.+ Biết tế nhị, lịch sự khi giao tiếp. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Yêu cầu về kĩ năng:*Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận.- Có đầy đủ các phần: Mở bài, thân bài, kết bài.- Nêu lí lẽ, dấn chứng để làm sáng tỏ ý kiến. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: **:** Bài văn trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.- Trình bày rõ ràng ý kiến về hiện tượng cần bàn luận.- Hiện tượng đó có ý nghĩa trong cuộc sống: học tập, môi trường, tệ nạn, đồng phục trong trường học… | 0,25 |
|  |  *c. Bố cục:* Học sinh có thể có những cách khác nhau. Sau đây là một số gợi ý:**Mở bài** Giới thiệu được hiện tượng người viết quan tâm và thể hiện rõ ràng ý kiến của người viết về hiện tượng ấy. **Thân bài:** - Đưa ra được ít nhất hai lí lẽ cụ thể để lí giải cho ý kiến của người viết. - Các lí lẽ được sắp xếp theo trình tự hợp lí. Người viết có thể sử dụng các từ ngữ để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận. - Người viết cần đưa ra được những bằng chứng thuyết phục để làm sáng tỏ lí lẽ.**Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề và đưa ra những đề xuất. | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục rõ ràng, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc | 0,25 |